

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2024/HS-PT

Ngày: 18/3/2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
*Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Công Huân.

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Nguyễn Văn Hậu

2. Ông Đặng Hồng Sơn

*Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Huy Phúc, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2024/HS-PT ngày 30/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 823/2024/QĐXXPT-HS ngày 22/02/2024, do có kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh S và bị cáo Trần Thanh P đối với bản án sơ thẩm số 244/2023/HS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị cáo kháng cáo:*

**1. Họ và tên: Trần Thanh S;** sinh năm 1997 tại tỉnh B; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố M, thị trấn C, huyện C, tỉnh L; nơi cư trú: Tổ H, Khu phố M, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 06/12; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; con ông Trần Quang T và bà Trần Thị Đ; chưa có vợ và con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt tạm giữ, tạm giam: 08/12/2022;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên: Trần Thanh P;** sinh năm 1993 tại tỉnh B; nơi đăng ký thường trú: thôn A, xã M, huyện P, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: kinh doanh tự do;

con ông Trần Thanh T và bà Trần Thị Kim L; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt tạm giữ, tạm giam: 08/12/2022;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị:*

Họ và tên: **Lê Hữu T**; sinh năm 1998 tại tỉnh Đ; nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 08/12; nghề nghiệp: Shipper; con ông Lê Thanh S và bà Lê Thị Ngọc T; chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt tạm giữ, tạm giam: 08/12/2022;

Bị cáo vắng mặt tại phiên tòa.

*Người bào chữa cho bị cáo P:* Luật sư **Trần Văn N**; Công ty luật TNHH V, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 15 phút ngày 08/12/2022, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 12 phối hợp cùng Công an phường Thạnh Lộc, Quận 12 tiến hành kiểm tra hành chính nhà số M, đường T, Tổ H, Khu phố C, phường Thạnh Lộc, Quận 12, do Trần Thanh S và Trần Thanh P thuê, thì phát hiện:

-Trong túi quần phía trước bên trái do S đang mặc có 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng (S khai nhận là ma túy, S cất giấu nhằm mục đích sử dụng trong phòng bay tại lầu 3 của căn nhà);

-Trên kệ để đồ trong phòng ngủ của Lê Hữu T tại tầng 1 có 01 gói nylon bên trong chứa 06 viên nén màu nâu nhạt (T và S khai rằng là ma túy tổng hợp của S đưa cho T cất giữ).

-Trong phòng ngủ ở tại tầng 3 có: 06 đối tượng là Lương Thị H, Trịnh Thị Trúc L, Phạm Thị H, Trương Nguyễn Thanh H, Nguyễn Hoàng Phi L, Trần Thanh P đang sử dụng trái phép chất ma túy; 04 gói nylon chứa tinh thể không màu; 02 đĩa sứ bên trên đĩa có chất bột màu trắng.

Tại thời điểm kiểm tra, có mặt Nguyễn Thị Thanh T1 ở trong phòng của T.

Qua xét nghiệm tất cả các đối tượng trên đều dương tính với chất ma túy.

### **Quá trình điều tra, xác định được như sau:**

T, S và P là bạn quen biết ngoài xã hội, cả ba đã cùng tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà số M, đường T, Tổ H, Khu phố C, phường Thanh Lộc, Quận 12. S và P cùng thuê căn nhà vừa nêu và lắp đặt thiết bị âm thanh, ánh sáng, cải tạo thành nơi sử dụng ma túy gọi là “phòng bay” để cho người khác thuê làm nơi sử dụng ma túy. Tiền thuê phòng được tính như sau: Từ 2.500.000đ đến 3.000.000đ tính cho thời gian thuê là 10 tiếng đồng hồ; nếu quá 10 tiếng thì mỗi tiếng sẽ tính thêm 200.000đ đến 300.000đ. S là người trực tiếp quản và tiến hành thu chi. Lợi nhuận thu được sẽ được chia đôi cho S và P. Ngoài ra, ai là người dẫn khách đến thuê phòng sử dụng ma túy thì sẽ nhận thêm hoa hồng là 10% tổng số tiền thu được từ việc cho thuê, nếu tiền cho thuê phòng thu được lớn hơn 3.000.000đ thì tiền hoa hồng sẽ là 500.000đ. Trung bình một tháng, S và P mỗi người thu lời được từ 8.000.000đ đến 11.000.000đ. Khoảng 3 tháng trước khi bị bắt, S và P có cùng nhau thuê một căn nhà (không rõ địa chỉ) ở phường Thanh Lộc, Quận 12 để làm nơi sử dụng ma túy. S và P đã lập “phòng bay” tại căn nhà này và hoạt động được khoảng 2 tháng, số tiền lợi nhuận mà mỗi người được chia trong 01 tháng là khoảng 8.000.000đ đến 11.000.000đ. Tuy nhiên, S mới đưa cho P là 10.000.000đ, P đã tự nguyện nộp lại số tiền này cho Cơ quan điều tra. Đến giữa tháng 11/2022, S và P không thuê căn nhà vừa nêu nữa mà chuyển sang thuê căn nhà số M đường T, Tổ H, Khu phố C, phường Thanh Lộc, Quận 12. Khi chuyển sang thuê căn nhà số M đường T, Tổ H, Khu phố C, phường Thanh Lộc, Quận 12, P nói với S là cứ làm trước rồi sẽ góp tiền sau. Ngày 04/12/2022, sau khi làm xong, S báo cho P biết số tiền đã bỏ ra để làm “phòng bay” là 30.000.000đ (chi phí thuê nhà 9.000.000đ/tháng; phần còn lại là chi phí lắp đặt loa, đèn, dán tường cách âm...); đồng thời, S yêu cầu P góp 15.000.000đ và nói rằng lợi nhuận thu được sẽ chia đôi. Tuy nhiên, P chưa có tiền đưa cho S. S thuê Lê Hữu T dọn dẹp, trông nom, dẫn khách lên “phòng bay”, chuẩn bị đĩa sứ, quạt gas, thẻ nhựa... để cho khách sử dụng ma túy; giá thuê là 4.000.000đ/tháng. T đã được S trả công một lần là 4.000.000đ.

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 07/12/2022, S tổ chức sinh nhật cho mình và có mời Lương Thị H, Trịnh Thị Trúc L, Phạm Thị H, Trương Nguyễn Thanh H, Nguyễn Hoàng Phi L, Trần Thanh P, Lê Hữu T đến quán bar H ở số B đường H, Quận 12 để chơi. Khi ở tại quán bar, S đặt mua của D (không xác định được lai lịch, ở quận G) 10 viên ma túy tổng hợp với giá 2.500.000đ và 01 gói ma túy khay giá 2.500.000đ. D trực tiếp mang ma túy đến khu vực trước quán bar 205 và giao cho S, S trả tiền mua ma túy cho D. Sau đó, S và những người đã nêu đã sử dụng hết 4 viên ma túy tổng hợp và một ít ma túy khay. Còn lại gồm 06 viên ma túy tổng hợp và 01 gói ma túy khay S cất trong túi quần.

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 08/12/2022, S tiếp tục mời mọi người về nhà của mình tại địa chỉ nhà số M, đường T, tổ H, khu phố C, phường Thanh Lộc, Quận 12 để chơi và sử dụng ma túy. Khi về đến căn nhà đã nêu, tất cả mọi người đều lên

“phòng bay” ở lầu 3 của căn nhà; riêng T thì nằm nghỉ ở phòng ngủ của T tại lầu 1. S đưa cho T 06 viên ma túy tổng hợp và bảo T cất giùm, riêng số ma túy khay thì S vẫn để trong túi quần. Sau khi nhận được 06 viên ma túy tổng hợp ma túy do S đưa, T để ma túy trên kệ trong phòng ngủ của T. Do sợ thiếu ma túy để sử dụng, S tiếp tục liên hệ với D đặt mua thêm 01 gói ma túy khay với giá 2.500.000đ, 01 gói “nước vui” với giá 2.100.000đ. Sau đó, D mang ma túy đến căn nhà đã nêu giao cho S nhưng S chưa thanh toán tiền cho D; S cầm ma túy lên trên lầu 3 và để ma túy ở trên nền nhà trong phòng. S và những người có mặt cùng sử dụng hết 01 gói “nước vui” và gần hết gói ma túy khay. S tiếp tục liên hệ với D, đặt mua thêm 01 gói ma túy khay với giá 1.500.000đ. Sau đó, người của D mang ma túy đến giao cho S. S tiếp tục cầm ma túy lên phòng sử dụng ma túy ở trên lầu 3 để cho mọi người cùng sử dụng. Khoảng 3 giờ 00 phút ngày 08/12/2022, S gọi điện thoại cho T, bảo T xuống tầng trệt đón khách đưa lên tầng 3 nhưng không thấy T dẫn khách lên nên S đi xuống thì thấy có lực lượng Công an đến kiểm tra.

Các đối tượng Lương Thị H, Trịnh Thị Trúc L, Phạm Thị H, Trương Nguyễn Thanh H, Nguyễn Hoàng Phi L là những người được S mời đến dự tiệc sinh nhật của S. Cả nhóm đều có sử dụng ma túy tại “phòng bay” ở Tầng 3 của căn nhà và biết được ma túy là do S cung cấp nhưng không biết nguồn gốc ma túy là ở đâu mà S có.

Nguyễn Thị Thanh T không sử dụng ma túy chung với những người đã nêu. Trúc là người yêu của T và chỉ ghé đến chơi tại phòng ngủ của T. Trước đó, Trúc có sử dụng ma túy nhưng sử dụng ở L.

Bà Tô Thị Cẩm L1 là chủ căn nhà số M đã đề cập. Bà L1 cho S và Trịnh Thị Trúc L thuê nhà từ tháng 11/2022 với giá 9.000.000đ/tháng. Người ký tên trên hợp đồng thuê nhà là Trịnh Thị Trúc L. Tuy nhiên, khi làm việc, L nói với bà L1 rằng L tên là Hoàng Thị Kim N nên đã sử dụng tên Hoàng Thị Kim N để ký hợp đồng thuê nhà với bà L1. Bà L1 không rõ có những ai sinh sống tại căn nhà bà cho thuê và không biết việc S và T cải tạo phòng trên lầu 03 của căn nhà thành “phòng bay”.

Bà Trịnh Thị Trúc L là người được S nhờ đứng tên thuê nhà của bà Tô Thị Cẩm L1. Theo yêu cầu của S, khi ký hợp đồng thuê nhà của bà L1, L lấy tên là Hoàng Thị Kim N. L không biết S thuê nhà để làm gì.

Tại Bản kết luận giám định số 7269/KL-KTHS ngày 14/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

-Bột màu trắng trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Trần Thanh S và hình dấu Công an phường Thạnh Lộc, Quận 12 là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,5668g loại Ketamine.

-06 viên nén màu nâu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài các dấu vân tay, các chữ ký ghi tên Trần Thanh S, Lê Hữu T và hình dấu Công an

phường Thanh Lộc, Quận 12, là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng là 3,2971g loại MDMA.

-Tinh thể không màu trong 04 gói nylon được niêm phong bên ngoài dấu vân tay, chữ ký ghi tên Trần Thanh S và hình dấu Công an phường Thanh Lộc, Quận 12, là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng là 2,4856g loại Ketamine.

-Bột màu trắng trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Trần Thanh S và hình dấu Công an phường Thanh Lộc, Quận 12, là ma túy ở thể rắn có khối lượng 0,3768g loại Ketamine.

-Bột màu trắng trong 02 đĩa sứ được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, chữ ký ghi tên Trần Thanh S và hình dấu Công an phường Thanh Lộc, Quận 12 là ma túy ở thể rắn có tổng khối lượng 0,0231g loại Ketamine.

Ngoài vật chứng là ma túy thu giữ được như đã nêu ở phần trên, Cơ quan điều tra còn thu giữ của các bị cáo một số đồ vật có liên quan khác như loa, đèn laser, tiền, điện thoại di động, xe máy .....

Tại Cáo trạng số 145/CT-VKS ngày 26/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 đã truy tố bị cáo Trần Thanh S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự); truy tố bị cáo Trần Thanh P về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Lê Hữu T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 244/2023/HS-ST ngày 18/12/2023 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 08/2024/TB-TA ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm a khoản 1 điều 55; Điều 38 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Thanh S 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 11 (mười một) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2022; phạt bổ sung 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255; Điều 38 của Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Trần Thanh P 10 (mười năm) tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2022; phạt bổ sung 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự,

Xử phạt bị cáo Lê Hữu T 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2022; phạt bổ sung 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn áp dụng các biện pháp tư pháp; buộc các bị cáo phải chịu án phí; tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự.

Ngày 25/12/2023, bị cáo S có đơn kháng cáo với nội dung như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 14 năm tù là quá nặng. Do vậy, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 25/12/2023, bị cáo P có đơn kháng cáo với nội dung như sau: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 10 năm tù là quá nặng. Do vậy, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

### ***Tại phiên tòa phúc thẩm,***

Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung nội dung xin được giảm hoặc miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền vì các bị cáo không có khả năng thi hành.

Luật sư N (người bào chữa cho bị cáo P) có cung cấp cho Hội đồng xét xử các tài liệu sau: Đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn của ông Trần Thanh T (cha của Trần Thanh P), có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M, huyện P, tỉnh B, xác nhận bị cáo P là trụ cột trong gia đình, phải nuôi dưỡng cha mẹ già bị bệnh huyết áp, suy tim; Đơn xin xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn của ông Trần Văn T (cha của Trần Thanh S), có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh L, xác nhận bị cáo S là trụ cột trong gia đình, phải chăm nuôi dưỡng và chăm sóc cha bị bệnh tai biến, không thể tự sinh hoạt; các tài liệu chứng minh ông ngoại bị cáo P (ông Trần L) là liệt sỹ, bà ngoại bị cáo P (bà Ngô Thị H) là người có công với cách mạng, bà cố ngoại bị cáo P (bà Nguyễn Thị Đ) là bà mẹ Việt nam Anh hùng.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo như sau:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định bị cáo S và P đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; riêng bị cáo S còn phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với S là đúng quy định nên không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt chính cho bị cáo S. Đối với bị cáo P, luật sư bào chữa của bị cáo có cung cấp một số tài liệu chứng minh bị cáo có bà cố, ông bà ngoại là người có công với cách mạng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt chính cho bị cáo P từ 06 tháng đến 01 năm tù.

Các bị cáo có cung cấp tài liệu xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xem xét miễn hoặc giảm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, mà chỉ đề nghị Hội đồng xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

Luật sư Nam bào chữa cho bị cáo P như sau: Trong quá trình điều tra, P đã nộp lại 10.000.000đ; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có ông bà ngoại và bà cố là người có công với cách mạng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất trong khung hình phạt.

Kiểm sát viên tranh luận như sau: Mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là đã có cân nhắc, phù hợp với tính chất, mức độ vi phạm và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng. Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã đề nghị về việc giải quyết kháng cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1].**Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn quy định tại Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, các bị cáo bổ sung nội dung kháng cáo xin được giảm hoặc miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền vì các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Việc bổ sung kháng cáo là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

**[2].**Căn cứ lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ thu thập được, có căn cứ để xác định rằng:

Vì động cơ vụ lợi, các bị cáo đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo đã thuê căn nhà số M, đường T, Tổ H, Khu phố C, phường Thanh Lộc, Quận 12 của bà Tô Thị Cẩm Liên, cải tạo lại để cho người khác thuê làm nơi sử dụng trái phép chất ma túy.

Vào ngày 08/12/2022, S đã tổ chức sinh nhật cho bản thân mình và mời 06 đối tượng là Lương Thị H, Trịnh Thị Trúc L, Phạm Thị H, Trương Nguyễn Thanh H, Nguyễn Hoàng Phi L đến địa chỉ đã nêu và mua ma túy chất dạng Ketamine và Methamphetamine cho những người vừa nêu sử dụng. Trong lúc, các đối tượng vừa nêu đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng công an bắt quả tang. Cơ quan công an đã thu giữ của S 3,4523g Ketamine và 3,2971g loại MDMA là khối lượng ma túy mà S mua về cho các đối tượng đã nêu sử dụng nhưng chưa

sử dụng hết.

S là người chủ mưu, cầm đầu; P là người giữ vai trò giúp sức cho S thông qua hành vi chuẩn bị đĩa sứ, quét gas, thề nhứa... để cho người khác sử dụng ma túy.

Các bị cáo là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý vi phạm.

Đôi chiếu quy định của pháp luật, có đủ căn cứ kết luận: Trần Thanh S đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 và phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự; Trần Thanh P đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự.

### [3]. Về kháng cáo của các bị cáo:

Bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là có căn cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo P chưa thành khẩn nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho P được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo P và bị cáo N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, được Chính quyền địa phương xác nhận. Bị cáo P có ông ngoại là liệt sỹ, bà ngoại là người có công với cách mạng, bà cố là Bà mẹ Việt nam Anh hùng. Đây là các tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm. Do vậy, cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Mặc dù các bị cáo có một số tình tiết giảm nhẹ mới như đã vừa nêu. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất nghiêm trọng; hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng. Do vậy, không có căn cứ để giảm hình phạt chính cho các bị cáo.

Đối với hình phạt bổ sung: Như đã nhận định, các bị cáo P và S là những người có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Do vậy, các bị cáo khó có thể thi hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Mặt khác, theo quy định của pháp luật thì việc áp dụng hình phạt bổ sung không phải là bắt buộc. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về phần nội dung này, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo P và S.

[4].Trong vụ án này, bị cáo Lê Hữu T là đồng phạm giữ vai trò giúp sức trong việc phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 10 năm tù và phạt bổ sung 50.000.000đ. Mặc dù T không kháng cáo nhưng nhận thấy T chỉ là người làm thuê cho S, giữ vai trò thứ yếu, hành vi có mức độ nguy hiểm thấp hơn so với S. Do vậy, căn cứ theo Điều 345 Bộ luật hình sự, cũng cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng không áp dụng hình phạt bổ sung đối với T, để đảm bảo tính công bằng giữa các bị cáo.

[5].Các nhận định đã nêu cũng là căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận ý kiến của luật sư bào chữa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[6].Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 1 Điều 357, Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

**1.**Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 244/2023/HS-ST ngày 18/12/2023 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm b khoản 2 Điều 255; điểm a khoản 1 điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh S** 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 11 (mười một) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2022;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh P** 10 (mười năm) tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2022;

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm b khoản 2, Điều 255; điểm a khoản 1 điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Lê Hữu T** 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11(mười một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2022;

**2.**Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Trần Thanh S, Trần Thanh P và Lê Hữu T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận :**

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP .HCM; (3)
- VKSND Quận 12; (1)
- P. PC27 – CATP; (1)
- Bị cáo; (9)
- THA Quận 12; (1)
- TAND Quận 12; (1)
- Công an Quận 12; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ. (25) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Công Huân**